

NĂM THỨ HAI - SỐ 47 QUỐC-TUỆ 3 Novembre 1933

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BUDDHIQUE

0000

ĐUỐC-TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUỐC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG ĐỊNH-BÌNH

Chánh chủ bút
PHAN TRUNG THU
Sư cụ chùa Bàng-Sở
Phó chủ bút
DUONG-VAN HIÊN
Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO :

ĐẢ NĂM : 1\$00 - NỬA NĂM : 0\$50 - MỖI SỐ : 0\$03

HỘI PHẬT-GIÁO ĐÒI VỚI ANH EM MIỀN LỤT

Một bức thư của bà Thống-Sứ Tholance-Phu nhân

Về việc Hội Phật-Giáo ta đứng lên quyền tiền giúp các anh em bị lụt, đã được các chi Hội tán thành một cách sốt-sắng. Trong bấy nhiêu lần số tiền của các quý chi Hội gửi về, ban Trung-ương đã đem đệ nộp vào ban Cứu-Tê để chia phát cho anh em bị nạn, và qui tính phươg-danh các Ngát quyền giúp đều đã lần lượt đăng lên báo Đuốc-Trụ cả rồi.

Nay lại nhận được bức thư của THOLANCE phu-nhân gửi cho Cụ Chánh-Hội-Trưởng Hội ta tỏ ý ân-cần cảm ơn việc đó, vậy xin lược dịch ra 'ây để anh em Giáo-hữu cùng biết và cùng chứng cho là công-việc đó chúng ta đã làm cho được viên thành xứng-đáng với cái tôn-chỉ từ-bi mà ta sùng ngưỡ ng.

BỨC THƯ LƯỢC DỊCH NHƯ SAU NÀY:

Thưa Cụ Lớn,

« Ngài thực là một bậc quảng-đại từ-tâm vô hạn. Tôi
« đã tiếp được các món tiền của quý Hội mà ngài đã lần
« lượt gửi cho tôi, món tiền ấy cũng khá to, không phải
« tầm thường.

• Riêng phần tôi, tôi xin cảm tạ tấm lòng từ thiện của
« Ngài vô cả quan Thống nhà tôi cũng xin to tình rất
« là thân-ái đối với những việc Ngài làm.

THOLANCE PHU-NHÂN

Ký tên

Ban Quản-Trị Hội-đồng Trung-Ương
Hội Phật - Giáo Bắc - Kỳ

NGHĨA CHỮ KHÔNG TRONG HỌC PHẬT

Thường thấy ở trong các kinh điển nhà Phật, có rất nhiều chỗ nói đến chữ Không, như Không thiên, Không quan, Sinh không, Vô bất không, Nhất thiết không, ta cho « Không » là cái tôn chỉ độc nhất vô nhị của đạo Phật, bởi thế thường gọi cửa Phật là Không môn, hay là cửa Không, tiếng Không đã thành hẳn một tiếng rất thông thường, ai ai cũng nghe quen và nói quen cả. Thật thế, đạo Phật chia thế gian làm tam giới, là dục giới, sắc giới và vô sắc giới, tam giới tức là tam-hữu 三有, hữu là chi thứ mười trong mười hai nhân duyên, là cái ma chướng triền miên trong kiếp hữu tình chúng sinh, có tam-hữu mới có sinh, lão, bệnh, tử, gáy ra nghiệp luân-hồi, đức Phật đã lập ra thuyết Không, chính là để phá tan hữu giới, mở đường giải-thoát cho muôn loài vậy.

Song nghĩa chữ Không rộng quá, cao quá và lại tinh vi quá; Vì rộng quá mà coi ra như lơ mờ, cao quá mà coi ra như viển vông, tinh vi quá mà coi ra như rất huyền bí, thành ra vì một chữ Không mà sinh ra nhiều mối hoài nghi, để cho nhiều người muốn hỏi mà khó giải đáp, muốn biết mà khó sưu tầm, đến nỗi càng nghĩ càng quẩn, càng nói càng vẫn, càng biện luận càng cùng, tuy là vẫn nói quen nghe quen chữ Không, mà vẫn khó lòng thấu suốt được nghĩa chữ Không vậy.

Đời người đã ở vào cõi thành, trụ, hoại, thành là sinh ra, trụ là ở trọ lại đấy, hoại là mòn nát đi dần dần; lúc thành, không có sức tự gây ra, lúc trụ, không có quyền ở lại mãi, lúc hoại, không có tài lồi

kèo lại; Vả, lúc thành, lúc trụ, lúc hoại, chẳng ai giống ai. Ngay cái hiện tại ấy nó sờ sờ ra trước mắt, đã ai hiểu được nó là cái gì? Huống hồ sinh tụ ca khúc ở trong nó, được buổi sáng, lo buổi tối, được ngày nay, lo ngày mai, lo tình quanh quẩn, tuy mở mắt mà chẳng khác người đi mò, còn ai có cách nào thu xếp hay là chống chũa được nó,? Cái hiện tại ấy tức là cái hữu, hữu lễ, có, đối với cái hữu, ta còn lúng túng vương vít xoay xò chưa rồi, nếu nói đến cái không thì khác nào như câu chuyện bắt lấy gió, nắm lấy bóng, khỏi sao cho nhiều người không tin mà ngờ là hão-huyền? Song' ngờ là vì chưa hiểu, mà đã chưa hiểu, thì dù ai đứng về phương diện nào, cũng sẵn lòng muốn biết cho rõ ràng, hoặc là để lợi đường khảo-cứu, hoặc là để tiện lễ phê-bình. Vậy thiết tưởng đem nghĩa Không lược giải ra đây, không phải là một đề-mục phụ-phẩm vậy.

Theo chữ Nho mà cắt, chữ Không có ba nghĩa :

1. Trống, rỗng, như gọi là không trung 空中 ;

2. Hết, không còn lại, như gọi là phủ khổ hư không

府 庫 虛 空 ;

3. Thoảng qua, không đề ý đến, như gọi là không không 空 空.

Theo như những nghĩa kê trên, thì chữ Không cũng giống như nghĩa tiếng không ở trong tiếng ta, không đối với có, cũng như không đối với hữu. Song nghĩa không ở trong học phật bao hàm rất rộng, không phải chỉ những cái gì không tiếng, không hỏi, không hình không ảnh, mới gọi là không, mà hết thảy cái gì không có phướng, không có thật, hoặc bởi sự hòa hợp, hoặc bởi sự tạo-tác, hoặc bởi sự sai-biệt mà sinh ra, đều gọi là Không cả, thế là thuộc về nghĩa ngoại-không 外 空, Tiến lên một tầng nữa thì im lặng, thông suốt, không vương, không mắc, không sờn, không bợn, không thay đổi, đều gọi là Không, thế là thuộc về nghĩa nội-không

內空. Bởi thế trong bộ Thiên-thai giáo-nghi nói rằng :
« Nhất thiết giả tức không, 一切假卽空 » hết thầy
cái gì giả đều là không, tức là cái về nghĩa ngoại-không :
Trong bộ Tâm-kinh-giải nói rằng : « Siêu sắc tướng ý
thức giới vị không » 起色相意識界謂空,
vượt ra ngoài cõi sắc tướng ý thức gọi là không, tức là
cái về nghĩa nội không vậy.

Nghĩa chữ Không đã giải qua đại lược như trên, nay
xin nói đến những lý luận thuộc về nghĩa không ở trong
học Phật, « Không » có hai thứ, gọi là nhị không, là
ngũ-không 我空, và pháp không 法空.

1. Ngũ-không. Ngũ là gì ? Hết thầy những phần tinh-
thần và vật-chất của người gọi là ngũ. Ngũ là ta, là những
phần riêng của từng người mà coi ra, nhận ra, giữ lấy,
dùng lấy, như là một kỹ-vật sở-hữu, bởi thế mới gọi là
ngũ. nói cho rõ, ngũ tức là thân người vậy.

Học Phật cho những phần thuộc về thân người có
năm thứ gọi là ngũ-uẩn 五蘊, là sắc, thụ, tưởng, hành,
thức. 色, 受, 想, 行, 識. Uẩn là chứa chất ngậm ngậm
càng lâu càng nhiều, che lấp mờ tối càng lâu càng dày,
bởi thế ngũ-uẩn cũng gọi là ngũ-âm 五陰. Thuyết này
mới nghe tuy là uyên-thâm, nhưng xét kỹ thật là thiết-
thực. có thể theo thứ tự mà giải nghĩa như sau, này :

Sắc-uẩn là gì ? Theo nghĩa riêng chữ sắc ở trong lục-
trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) thì sắc có ba thứ :
1. Hiện-sắc, như xanh, đỏ, vàng, đen, sáng, tối, v.v..
2. Hình sắc, như cao, thấp, nhọn, nhỏ, dài, ngắn, lồi,
lõm, v.v.. 3. Biểu-sắc, như đi, đứng, cười, nói, chạy,
nhảy, bay, lội, v.v.. Phần cái gì trông thấy mà nhận ra
cho là thế này, thế khác, đều gọi là sắc. Song đó là một
nghĩa hẹp của sắc-trần đối với nhơn căn, chứ nghĩa chữ
sắc ở trong ngũ uẩn thì còn rộng hơn. Trong bộ ngũ-
uẩn-luận nói rằng : « Văn hà sắc, vị tứ đại chủng, cập
sở tạo chiê sắc » 云何色, 謂四大種, 及所造諸色

Nghĩa là thế nào là sắc: ? là bốn đại chủng, cũng các sắc bởi bốn đại chủng ấy tạo ra. Nay theo câu ấy mà giải nghĩa rộng ra, từ đại chủng là bốn thể lớn là địa, thủy, hỏa, phong. Địa là đất, và hết thảy cái gì bên, rắn, đông, đặc, đều thuộc về tinh đất: thủy là nước, và hết thảy cái gì trôi, chảy, ẩm, ướt, đều thuộc về tinh nước: hỏa là lửa, và hết thảy cái gì ấm nóng, khô ráo, đều thuộc về tinh lửa: phong là gió, và hết thảy cái gì lay, động, bốc, nhẹ đều thuộc về tinh gió, thế gọi chung là tứ đại chủng. Thế gian và muôn vật đều bởi bốn thể nhưn ấy tạo ra, nói ngay như trong thân người, linh chất kiên cường thuộc về đất, tinh chất lưu nhuận thuộc về nước, tinh chất ôn táo thuộc về lửa, tinh chất hoạt động thuộc về gió, gồm cả những phần có hình và không có hình, đều bởi bốn thể lớn ấy hợp lại mà gây ra sắc thân, rồi có sáu căn là nhưn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý thế gọi là sở-tạo nội-sắc 所造內色. Đối với sáu căn, có sáu trần ở ngoài là sắc thanh, hương vị, xúc pháp, gọi là sở-tạo ngoại-sắc 所造外色. Nói tóm lại, ph m cái gì ở trong mà thuộc về lục-căn đều gọi là sắc, cái gì ở ngoài mà có thể làm cho lục-căn linh nhập được đều gọi là sắc bởi thế khi cất nghĩa chữ sắc ở trong ngũ uẩn nên hiểu là tứ-đại (1) sắc và thập nhị-xứ sắc (2) chứ không phải chỉ riêng sắc-trần đối với nhưn-can mà thôi vậy.

* (còn nữa)

BÙI - KỶ

PHƯƠNG CHÂM TIẾN HÀNH SỰ CHẶN HƯNG PHẬT - GIÁO

Bài diễn văn của ông Đào - thiện - Luận diễn tại
chùa hội-quán Thái-bình

(Tiếp theo và hết)

Giở lên là nói về sự họ - vấn, còn về sự đức-hạnh thì ta nên chú-trọng về sự chính đốn lại kỷ-luật của tăng-giả.

- (1) 四大 là địa thủy hỏa phong.
(2) 十二處 là lục-căn và lục trần.

Đoạn này tôi đọc được trong báo Viên-Âm một bài nói về sự chính-đốn tăng-già, ý kiến rất hay, xin thuật ra đây để công-hiến các ngài, nếu ta mà thực-hành được thì cũng có thể trừ được cái hại vũ-phu loạn ngọc, ngư-mục hỗn châu, họa chẳng có bỏ ích cho nền đạo pháp.

Về mục chính-đốn tăng-già, Viên-Âm có bàn như sau này:

« Chúng tôi thường thấy trên các báo-chương đăng những sự hành-vi trái phép của một vài người trong tăng-già, rồi lắm khi lại nhân đó mà phê-bình Phật-Giáo. Lỗi phê-bình như kia vẫn không đúng, vì sự hành vi của một vài người giả làm đệ-tử Phật, mà thật ra là những phường vô-lại, không có quan-hệ gì với toàn-thể tín-đồ Phật-giáo. Tuy vậy đối với những sự chướng tai gai mắt như kia, Phật-giáo-đồ nở rộ cho những bọn thiên ác, vạn ác mượn áo đệ-tử Phật mà buôn bán Phật không ?

Nếu không thì phải cùng nhau đồng tâm hiệp lực chỉnh-đốn lại tăng-chúng để tạo thành tăng-bảo của đạo Phật.

Phật đã có lời di-ngôn : « Khi Phật nhập diệt rồi, phải lấy giới-luật làm thầy, » vậy giới-luật là khuôn phép chung của tín-đồ Phật-giáo, là nền tảng chung của sự tu-chứng Phật-đạo, chẳng những ông thầy không giữ giới-luật, quyết chắc không phải ông thầy của đạo Phật, mà những tín-đồ nếu không giữ đặng một giới trong năm giới Ưu-bà-tắc thì cũng không phải tín đồ của đạo Phật nữa.

Muốn tuyệt trừ cái nạn phá giới thì trong sơn-môn ngoài thiện-tín cần phải hợp-đồng cùng nhau tôn trọng giới-luật tuyên-dương giới-luật để cho nhân-tướng của đạo Phật có ngày thực hiện. Những phương-pháp trừ nạn phá-giới vẫn nhiều, xin lược kể ít phương-pháp như sau này :

1.) Đối với Sơn môn

A) Lập một ban đạo sư để kiểm sát giới hạnh của tăng chúng. — Tăng chúng các chùa và thiện tín trong một tỉnh phải hiệp đồng công cử một ban đạo sư là 5 người, rồi các

thầy và cư sĩ đồng ký tên trong tờ biên bản công cử, đề ban ấy được công nhận làm đại biểu cho toàn thể tín đồ đạo Phật.

Khi cử đạo sư thì do tăng già cử 20 thầy tinh thông giới luật và yết tên giữa công chúng, đề công chúng chỉ trích những thầy đã phạm giới cũ chúng có, sau khi thụ giới, người nào bị chỉ trích mà xét ra đủ bằng cứ thì phải bỏ tên ra không được ứng cử; rồi tăng già và cư sĩ mới công cử 5 vị sư trong các thầy còn lại.

Chức đạo sư này là chức vĩnh viễn, trừ khi đủ chúng có phạm giới. Khi ấy các vị đạo sư khác nhóm lại, đòi lên cáo và vị đạo sư bị cáo đến trước tăng chúng và thiện tín mà phân xử. Nếu thiện cáo không đủ bằng cứ thì phải xử theo tội vọng ngữ và trục xuất ra ngoài toàn thể tín đồ; còn nếu vị đạo sư bị cáo thiệt có phạm giới thì hội đồng truyền thâu y lá, hủy trước công chúng, cử một vị đạo sư khác thế chức, không nhận người ấy vào toàn thể tăng già đạo Phật nữa.

Trong 5 vị đạo sư mỗi vị đều có một bản sao của biên bản công cử có giá ảnh minh và có cụ chánh hội, bay các đại lý địa phương chúng nhận.

Còn trong sơn môn thì mỗi sư có một quyển sổ, trên có giá ảnh minh, do các vị đạo sư ký nhận; mỗi năm các sư phải trình ban đạo sư ký nhận một lần mới được phép đắp điều y.

Người nào phá-giới đã bị thâu sổ hoặc không có trình ban đạo sư ký nhận trong sổ về năm ấy thì không được đắp điều y. Nếu không có sổ, hoặc không có ban đạo sư chúng nhận về năm ấy mà cứ đắp điều y thì phải truy tố về tội giả giới, có thể làm thiệt hại cho Phật giáo.

Những người đã phá giới, trừ khi đã hết sức sám hối, tu hành mạnh mẽ, được phép thụ giới lại, thì không khi nào được đắp điều y.

Lối kiểm sát giới hạnh của các tăng già Trong mỗi tỉnh ch'ra từng địa phận do một ông đạo sư cai quản. Khi nào có người báo cáo về sự phạm giới của một ông sư nào, thì vị đạo sư ấy phải thân hành tra xét, rồi đến cuối năm trình với hội đồng đạo sư tài phán và định tội, nên thâu sổ hay nên không ký nhận. Ông thầy nào muốn đi tỉnh khác phải có đạo-sư chứng nhận mới được đi. Khi đến tỉnh nào cũng phải trình cho đạo sư trong địa phận chứng nhận rồi mới được đắp điều y.

Giờ lên là nói về quy-lắc trong môn, còn về phương diện các thiện tín cũng phải triam-... vào mà thực hành hộ-tri giới luật mới được.

Lối hộ-tri-giới-luật đại khái như sau này :

A) - Phải bảo hộ, cúng dường, tôn kính các thầy giữ giới luật.

B) - Không nên nhận những người đã phạm giới làm thầy tu đạo Phật.

C) - Phải phá hủy những điệp quy y thọ giới của các ông thầy đã phạm giới cấp cho, vì không có giá trị.

D) - Công bố những sự phạm giới có hằng cơ của các tăng già.

E) - Không dự những công việc không hợp với Phật pháp.

F) - Tham dự những công việc hoằng dương chánh pháp, chỉnh đốn tăng già.

Như thế thì trong sơn môn đã có quy-cử thực phọc, ngoài thiện tín lại có cái dư luận cần nghiêm, dù các người tin lực chưa thâm, đạo tâm chưa vững, có muốn làm xứng cũng không được, cũng phải cố gìn lòng giữ chí, rèn đức cho được thành tựu thành tài.

Trong tăng già đã thành là những bậc chân tu, ai nấy đều biết giữ tâm mà hoằng tuyên chánh pháp thì mới có thể mở được con đường chính lí cho người ta tin theo

tin đỡ ngày một đông thì nền đạo pháp mới có cơ vững vàng được.

Trở lên là nói về sự chính đốn tăng giê, còn một việc chính đốn lại cơ quan truyền bá cũng là một việc rất cần mà ta không thể nhãng được.

Thủa xưa là thời kỳ Phật Giáo thịnh hành sẵn có các bậc cao-tăng đại-đức, nên chỉ sự học rất sùng mà các cơ quan để truyền bá cũng rất là chu đáo. Ta hãy xem như thời-kỳ Tam-tô nhà Trần, những nơi giảng học, môn đồ thường kẻ hàng nghìn, những kỳ đại-lễ hoặc có diễn giảng thì người đến nghe kẻ có hàng vạn. Ấy cũng bởi cái cơ-quan truyền-bá được hoàn-toàn, cho nên người tin theo đông-đúc.

Về sau này Phật-giáo suy-đồi, những công cuộc ấy mỗi ngày một kém đi, Sự tham học thì chẳng qua như hạt mưa đại hạn, dầy qua trên cánh đồng khô, còn sự diễn-giảng thì thực chẳng khác gì cái giầu chân đi ở trong hang cùng lúi thẳm; những nơi cò-lạ hoang tàn chẳng qua chỉ để làm nơi vãng cảnh cho mấy ông mặc-khách, tao nhân, mộng một ngày rằm, chẳng qua chỉ là cái ngày lui tới để khuấy khóa cánh già của mấy bà thôn-trang tui-lão. Cái quang-cảnh tiêu-diêu như thế, còn lấy gì làm cơ quan truyền bá cho đạo-pháp tuyền dương lên được.

Gần đây hội chấn-hưng Phật-Giáo của ta lập thành cũng là chủ ý để giúp công hồi-cứu vào nơi khuyết điểm ấy. Nhưng mà cuộc tiến-hành của chúng ta đây phải bắt đầu làm từ nơi nào, nghĩ cũng thực lấy làm khó quá.

Cứ như thiên-ý của chúng tôi, thì hội là trước nhất là cần phải cho có nhiều hội-viên, ở nơi thôn-quê cũng như ở nơi thành thị, vì hội viên có đông thì đường tài chính mới được dư dự, mới có nhiều người làm việc cho hội về đường cổ-động truyền bá.

Sau nữa là các nơi chùa cảnh ở nhà quê, các vị tăng,

ni tru tri phải hết sức sửa sang, làm cho chùa cảnh được vui vẻ, cho có nhiều người đến chiêm ngưỡng, lễ bái, các vị tăng ni phải là những người biết hi sinh về đạo, nghĩa là phải cố công cùng sức mà tuyên-dương chính pháp, đem đạo pháp mà luôn luôn dĩa giảng cho người ta. Không những là ở nơi thành thị, mà ở những chốn thôn quê cũng cần phải có những cuộc diễn giảng, hoặc là những ngày khánh tiết của Phật tử, hoặc là những ngày tư rằm, tháng một, cho thập phương đến nghe. Không những là người đã mộ đạo rồi được thêm rạn ra, mà những người đứng ngoài cũng tưởng cũng nhân đó thấm nhuần mùi đạo mà tìm được lối vào thì tin đồ mới ngày thêm đông đúc được.

Vậy thì các anh em hội viên ta đây, dù là ở nơi thành thị hay ở chốn thôn quê, đã cùng là tín đồ của Phật tử thì cũng phải có cái trách nhiệm chung lo việc hội cho được thịnh đạt hơn lên. Không phải là chúng ta chỉ đóng tiền vào hội, dự một nhà hội viên là đã làm trọn công việc chấn hưng đạo; chúng ta phải làm việc, phải ra công tài thí pháp thí, mình đã giác ngộ rồi phải giác ngộ cho người khác, hoặc thân thuộc, hoặc bè bạn, dẫn dụ cho người ta cũng theo cái gương làm thiện như mình, như thế thì hội viên mới ngày thêm đông đúc mà quỹ hội mới ngày thêm dồi dào, mới có đủ sức mà làm những việc to tát được; đó là trách nhiệm của anh em hội viên ta.

Còn như các bậc tăng già, các ngài là người trong Phật pháp, chắc các ngài cũng đã biết tâm tư viễn lộ, nhưng trong bước đầu chấn chỉnh này tôi sao cho được thập phần thiện-mỹ cả được, vậy tôi xin khuyên các ngài phải tự mình làm gương trước, nêu chính thì bóng phải theo. cái cơ quan chấn-chỉnh bây giờ là ở các ngài, các ngài phải nên gắng sức.

Tôi còn nhớ, hồi trước được hân truyện Cụ lớn Hiệp Nguyễn đại-nhân bàn về công việc hội; Cụ có dạy rằng:
« Rồi đây trình độ tăng-già cao lên, đủ sức làm việc, hội

sẽ giả lại cả toàn-quyền, để bên tăng tự chỉnh đốn lấy công việc; mà ta chỉ dự phần ngoại bộ mà thôi. »

Tôi trộm nghĩ cái ngày ấy tất là phải có, nhưng từ nay cho đến cái ngày ấy không biết chóng hay là chầy ; chóng hay chầy cũng do ở nơi tăng-giả, các ngài phải nên nhẫn nại, linh-tiến, đồng-mãnh trau dồi cho có cái học hơn người, hạnh hơn người, thực hơn người thì mới mong một ngày kia thực hiện được cái chủ-nghĩa tuyên-đương Phật pháp, cứu độ quần sinh.

Nói tóm lại, bây giờ đây, dù bên tại-gia, hay bên xuất gia đều phải làm hết bổn phận cho tròn cái nghĩa là người tin đồ của Phật, không suy luy, không ý lại, phải bỏ hết lòng ngã chấp mà theo một cái phương châm cho chính đáng, thì mới mong đạt được cái mục đích rất cao thượng tự độ độ nhân, mà hội ta mới có thể thịnh đạt lâu dài được.

Tôi xin cùng các Ngài đồng thanh niệm câu :

« Nam mô thường tịch tiến bồ tát ma ha tát ».

BÀI CHÚC TỪ CỦA CHƯ TĂNG CHI HỘI PHẬT GIÁO TẾ - XUYÊN

Khánh-thành ngày 26 tháng 8 ta (tức là 11 Octobre 1936)

Nam-mô Bản sư thích-ca mâu-ni phật

Kính bần CỤ Chánh-Hội-Trưởng Hội Phật-Giáo,

BẦM CỤ lớn Tuấn-Phủ Hanam,

Thưa các ngài : Tôi xin thay mặt các vị Tăng, Ni trong Sơn môn lời đây, cảm ơn các ngài đã chẳng quản đường-xá kỳ-khu, tiết giờ bất rứt, vì cái chủ nghĩa chân hưng Phật-giáo mà các ngài vẽ đây chứng kiến lễ thành-lập cho chi hội chúng tôi, khiến cho chốn-lò chúng tôi đây ngày hôm nay không những chỉ thân-hào thiện-lin nức dạ tôn-sùng, cả đến thảo-mộc vô tri cũng được

màu sinh sắc, thực là các ngài đã mở cho chúng tôi, một kỷ-nguyên mới trong quyển Tể-Xuyên thuyề-n-sử vậy.

Thưa các ngài: Hôm nay trước cửa giả-lam đây trên có liệt-hiển quang-lâm, dưới có đủ mặt từ dân trong phủ hạt, chúng tôi xin phép được bày tỏ một đoạn Thực-lục của Sơn-môn tôi đây.

Thưa các ngài, chùa này i-không gọi là chùa Tể-Xuyên là tạo tên làng, chính hiệu chùa là chùa Bảo-Khám, nguyên trước của một vị Nguyên-phi chúa Trịnh sáng tạo ra, hiện nay còn có tượng thờ và có ruộng kỹ kỵ, Sơn-môn chúng tôi đây hơn 50 năm giờ về trước đã có nhiều đời các sư tổ chúng tôi khai tràng thuyết pháp, kết tập tăng-già, tại chùa làng Hải-thiên, thuộc huyện Tiên-Lữ, tỉnh Hưng-Yên tức gọi là làng Hối-ba-dình. Khi trước hán-học còn thịnh hành về đường khoa cử, đất Hải-thiên vốn chiếm phần ưu trong tỉnh hạt, vì một sự nhỏ với Phật chưa dung hòa với nhau, mà Sư-tổ chúng tôi phải đưa các xá-lợi Tiên-tổ, và kính pháp về chùa này khuso đồ lĩnh chúng, trong thời kỳ ấy nhờ có cụ tổ Vĩnh-Nghiêm là cụ Thuyề-n-gia pháp-chủ bảy giờ, về đây trợ-giáo kết hạ ba năm, chiếu tập môn-đồ, do đây rồi cứ ngày một tiến lên, chốn này thành ra một nơi Tùng-lâm học-xá, suốt từ đây cho đến Quất-lâm Hải-hậu bao nhiêu các vị Tăng Ni học thức là đều có tham học ở đây, nỗ-nhiên-nhiên thành ra một môn phái Tể-Xuyên cùng với các Sơn-môn trong xứ Bắc-kỳ cùng khu vực đông quóng trống; tới khỏan gần đây vì khi-số sử nhiên mà Sư-tổ tôi vừa viên-lịch đi, thời may sao lại gặp hồi Phật-giáo chấn-hưng, chốn tổ chúng tôi đây lại là nơi diên-đàn hội-quán. Chúng tôi chắc rằng: Sơn-môn chúng tôi từ đây sắp đi, trước nhờ cái Tôn-chỉ quang-minh của hội Phật-giáo. Sau nhờ lòng Từ-bi hộ pháp của các quan, rồi đây tổ-ấn lại được tăng quang, n'ấn tâm lại thêm tin-ngưỡng, tiếng diên-đàn vang khắp

trăm dân, phươn từ-bi bay tràn chín tầng. Long-Xuyên
trước thủy, biển thành Tịnh-thủy thiên-trùng, Đại-linh
nhà-ván, hóa ra Tường-ván vạn đóa. Công đức ấy Sơn-
môn chúng tôi xin hợp chửơng tung-sô, để đầu phát-
nguyện.

Phật-Giáo-Hội vạn vạn niên

Nam-mô A-di-đà phật

THÁI - HÒA

VỊNH CÂY ĐA-LA

† Đa-la còn lại giấu tu hành,
Phật lễ ngồi gan đạo mới thành.
Thán vưng cảnh giải bèn gốc đạo,
Rễ sâu lá tốt nầy nhân lành. *Đạo*
Che trùm Thiên-trúc giới không hở, *Mây ni đườn -*
Óng ánh Hằng-hà nước cũng xanh. *nhất*
Đeo giống khắp nơi đâu cũng mọc,
Năm châu bốn bề hạt vẫn minh.

VỊNH KINH THỦY-SÁM

† Phe phây cảnh dương khắp thế gian,
Đến đâu phúc đầy, vạ liêu tan.
Cải ung nhân diện gây nên nghiệp,
Giọt nước từ bi rửa sạch oan. *đ*
Ngươi Áng giết người bằng tắc lưỡi, *đ*
Họ Tiều theo báo dã bèn gan. *đ*
Tri-huyền chuyện cũ còn ghi lại,
Thủy sám là kinh hóa kẻ ngoan.

+ **VỊNH THỂ-PHÁT**

Chân tu ai đã thoát ra đời,
Thì phát làm tin chỉ quyết rồi.
Chăm những cái đầu châu đức Phật,
Tiếc gì cái tóc góc con người.
Quy y ba cũng như là một,
Thụ giới năm xong sẽ đ'n mười.
Còn chuộng dung trang chi nữa nhĩ !
Tắm thân đạo đức ngoại hình hải.

+ **VỊNH TRI-TRAI**

Khất thực xưa nay lệ vẫn còn,
Tri trai thụ giới nết tu tròn.
Tanh tươi một mảy không hề động,
Nhặt nhẽ riêng mùi tự biết ngon.
Miễn thực cũng theo vua Vũ đế,
Tràng trai chẳng trái luật sa môn.
Hào quang sáng lửa lòng trong sạch
Chín phẩm tòa sen vị tri tôn.

+ **VỊNH TỤNG-KINH**

Văng vẳng tai nghe tiếng tụng kinh,
Cuốc kêu mùa hạ miệng liền thanh.
Trông lên giá sách chờng muốn quyền,
Ngồi trước cây đèn đọc suốt canh,
Mỡ gỗ chuông đồng theo luật diệu,
Chữ vàng lời báu rất phân minh,

Nam-mô cứu khổ mười phương Phật,

Bao quân công phu sự học hành.

Phượng-Sơn Nguyễn thiện Chính

BÀI CA CỦA BAN ĐỒNG-TỬ TẾ-XUYỀN

Chúng con dân hạt Lý nhân,
Nhờ ơn Phật tổ đượm phần yên vui.
Sỹ nông công cõ đủ người,
Trung quân thân thượng dám người tắc lòng.
Kề bề vật chất doanh phong,
Mà đường tin ngưỡng ở trong chưa đầy.
Cơ duyên gặp gỡ khéo thay !
Tinh thần Phật giáo đến ngày phục hưng.
Bốn phương cõ vũ tưng bừng,
Hoan nghinh Phật-giáo vui mừng xiết bao.
Hào quang Đức-luệ soi vào,
Tặng ni góp sức, thân hào ra tay.
Dựng nên chi hội hạt này,
Khởi đưa nghi ngút, hương bay ngạt ngào.
Cà-sa lẫn bóng cầm bào,
Ngẫm cơ Trần, Lý khác nào buổi nay.
Chúng con đồng-tử thơ ngây,
Mong ơn Phật-tổ theo thầy quy-y,
Dám xin rã lăm lòng si,
Một thiên bái chúc lạy qui cửa không.

Chúc cầu Phật-giáo phổ thông,
Nước dương tươi khắp đều cùng thánh thời.
Chúc cầu dân xã nơi nơi,
Phong đăng thánng bụt ngày giờ no nê.
Cùng nhau hưởng đạo Bồ-đề,
Một mai quả phúc tròn xoe có ngày.
Đốt hương kỷ-niệm từ đây.

THÁI - HÒA soạn

TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT NGÀI THÍ MẮT

Có một khi đức Phật ngài ở Kỳ-boàn, mở hội thuyết-pháp. Bấy giờ nhân dân đủ nhau lũ lượt đi nghe thuyết pháp rất đông. Có một người bà-la-môn, 2 mắt lòa tịt, ngồi ở vỉa đường, nghe tiếng nhiều người đi đường rầm rập; lên tiếng hỏi rằng : Các ngài đi đâu, mà đông người thế ? Người đi đường đáp : Ông không biết à ? Như-lai ra đời, là thời khó gặp, nay đương thuyết pháp, dạy khắp nước này, chúng ta đi đây, là đi nghe pháp. Người Bà-la-môn, vốn có thuật hề nghe tiếng biết ngay kẻ hay người dở. Người ấy bảo chúng-nhân rằng : Nghe tiếng biết người, tôi đây có thuật, nếu thực là Phật, tiếng giống Phạm-thiên. các ngài nên đưa tôi đến với, để nghe tiếng nói, có phải Phật không ? liền có người dắt đi đến nơi, còn đứng ở ngoài, nghe ngài thuyết pháp, rõ là tiếng phạm, lưu loát sâu xa, vui mừng nhầy nhót, mắt vụt sáng ngay, thấy tướng Như lai, sắc vàng hoa tía, ba mươi hai tướng, sáng như mặt trời, tức thì lễ Phật, vui sướng vô cùng. Phật thuyết cho nghe, tức thì thấu hiểu, phá tan hết nghiệp hai mươi ức kiếp, được Tu-đà-hoàn đã được mắt tuệ, xin xuất-gia ngay. Phật khen : thiện thay, lại đây thọ giới. Người ấy đổi, mặc áo pháp, Phật

đặt phương pháp dạy cho, rồi được chứng ngay qua A-la-hán, bấy giờ chung hội, ai cũng ngạc nhiên.

Cái thuật nghe tiếng biết người của người Bà-la-môn, lược kể có 8 phép sau này :

1) Tiếng quạ, tâm tính hoang toàng, bội ơn trái nghĩa, nét chẳng thanh liêm.

2) Tiếng quạ 3 thước, tính khí hung bạo, hay làm tàn hại, ít có từ nhân.

3) Tiếng vờ, Nam ra tiếng nữ, nữ ra tiếng nam, là người bạc đức, bản cùng hèn hạ.

4) Tiếng nhận, tính người hay chơi, thích nhiều bề bạc, quảng giao như bề

5) Tiếng trống, nói năng nhanh nhẹn, khéo giải nghĩa lý, quyết làm thầy người.

6) Tiếng sấm, (trí tuệ thâm chăm, tinh nghiên pháp tính, hóa được thiên hạ.

7) Tiếng chiêng vàng, giàu to của lắm, người ấy quyết có vàng bạc muôn nghìn.

8) Tiếng Phạm, phúc đức cao sâu, nếu mà tại-gia, làm vua Chuyển luân, xuất-gia học đạo quyết là thành Phật).

Đức thánh A-nan, quý bạch Phật rằng : Thế-tôn ra đời độ khắp chúng-sinh, đến cả người mù, ra ơn rộng lắm. Người bà-la-môn kia chỉ trong một lúc, mắt thịt vừa sáng, mắt tuệ lại khai, Phật với người ấy ơn gì hậu thế ?

Đức Phật dạy rằng : Xưa cũng đã có một lần ta cho mắt, chỉ những ngày nay mới cho như thế.

A-nan lại hỏi : Bạch đức Thế-tôn, đời xưa cho mắt, những sự thế nào ? xin đủ lòng thương, nói tường cho biết.

Phật bảo A-nan : Từ đời lâu xa A-tăng-kỳ-kiếp, cõi Diêm-phù-đề này, có một hành nhơn, tên Phú-ca-la-bạt, tên vua nước ấy gọi là Khoái-Mục (快目) sao gọi tên là Khoái-mục ?

Vì mặt ngài sáng, trông rất tinh-thần, thấu vách qua tường tới 40 dặm, vì thế nên gọi tên là « Khoái-Mục » ngài kiêm trị khắp 84000 nước, 6 vạn núi sông, 80 ức xứ, 2 vạn phi-tần, 1 vạn đại-thần. 5 trăm hoàng tử, người con thứ nhất tên là Giới-Hiền.

Đức vua Khoái-mục, hỉ xả từ bi, thương yêu dân vật, như đức cha hiền, đức giáo khoan hòa, phong tục thuận-hậu, gió hòa mưa thuận, bề lặng sông trong, nước thịnh dân giàu, thái bình vui vẻ. Bấy giờ đức vua lại nghĩ : ta nhờ phúc trước, nay được làm vua, nắm được tự do, bốn phương theo lệnh, nếu không gây phúc, để lại đời sau, sợ rồi không lâu, ắt là cùng khổ, ví như nông-pbu, ngày xuân cấy nhiều, hạ, thu gặt về. thóc bần chẳng ít, nếu lại gặp xuân, mà lười không cấy, thu sau còn mong sao được thóc nữa. Ta nay về những ruộng phúc, gặp thời nên cấy, mà chớ bỏ lười. Vua nghĩ thế rồi, ban ngay chiếu chỉ, sai cả các quan, mở các kho tàng, lấy những bạc vàng, báu ngọc, trấn áo, cơm nước, và đồ dùng khác, đưa ra các chợ và các cửa thành, truyền lệnh khắp nước cho dân biết rằng : ai thiếu vật gì, cho đến mà lấy. Lại xuống lệnh cả 8 vạn 4 nghìn nước chư-hầu nữa, các nước cũng đều làm như thế cả, nhân dân thiên hạ cảm ơn vua, ca tụng công đức hơn trước bội phần.

Chỉ có một nước bé nhỏ ở chốn biên thùý, tên vua nước ấy là Ba-la-đà-bạt-di, cậy xa ngạo mạn, trái phạm phép công, lộng quyền bạo ác, nhiều điều tội lỗi lược kể sau này :

- 1) Bẩm tính vội vàng, ít đàng lo nghĩ.
- 2) Đam mê sắc dục, không sửa chính sự.
- 3) Có kẻ trung hiên, không chịu tiến cử.
- 4) Những nơi biên-địa, sai dịch bội phần.
- 5) Những khách thông thương, thu thuế vô hạn.

Có một bề tôi, tên Lao-đà-đạt, thao lược kinh luân, tinh-

thông đạo lý, thấy làm trái phép, đã can vua rằng : Ngài có năm lỗi, sợ nước chẳng yên, và chẳng bao lâu quyết có tai nạn, ngài không hủy kỵ, tôi sẽ dám tâu. Vua truyền cho nói. Liền quỳ bạch rằng : 1) Vua tính vội vàng, ít hay lo nghĩ, sự rất không nên, quyết rồi hậu hối. 2) Ham mê sắc dục, không sửa chính sự, sợ nhiều oan khuất, tình lý không phân, 3) nước có trượng hiền, không hay tiến cử, lấy ai lo liệu những sự vi-nhiêm. 4) dân chốn biên-địa, sai dịch kịch phiến, sợ nó phản mình, đi theo nước khác. 5) Thu thuế khách buôn, không theo ngạch định, hàng không tải lại, hóa giá hẳn cao. Năm điều trên ấy là diêm mắt nước, xin cải cách ngay. Vả vua Khoái-Mục có độ lượng to, khắp cõi Diêm-phù, được nhờ ơn cả. Chỉ một nước ta không chịu kính phục, không được nhuần ơn. Xin vua xuống lòng từa thuận, chắc rồi con cháu hưởng lộc giờ lâu. Ba-la-đà-bạt-di nghe xong rồi tức dận lời đình, cho là nghịch nhĩ.

Lao-dà-đạt bấy giờ bực tức liền nghĩ riêng rằng : Hôn quân vô đạo, chính giáo đảo điên, đã tổ trung thành, mong cùng gánh vác, ngờ đâu sinh dận, chẳng chịu nghe nhời, nói đã không dùng, chắc thêm nghi kỵ, ta nên trị trước, cho đỡ hại dân. Mưu chữa kịp thành, sự đã phát lộ, vua Ba-la-đà-bạt-di, sắp chiêu quân lính, thì Lao-dà-đạt đã biết tin rồi, cưỡi ngay ngựa khỏe mà chạy trốn đi, quân lính đuổi theo. Lao-dà-đạt vốn tài bắn, lại biết thân người có 18 chỗ bị bắn chết ngay, nên quân đuổi kịp, chẳng dám tới gần. Lao-dà-bạt chạy tắt đến được Phú-ca-la-bạt, cậy người đưa vào chầu vua Khoái-mục được vào ứng đối, sự lý đều thông. Vua ban khen, rồi dùng làm đại-thần, dần được thân gần, rồi đưa việc mình tâu đối vua hay. Vua nghe tâu rồi, hỏi các quan rằng : Đất nước vua ấy, không thuộc ta dư ? Các quan tâu rằng : Thuộc Đại-vương cả, chỉ cậy xa xôi, không chịu tòng phục. Lao-dà-bạt nói : Ba-la-đà-bạt-di ngang ngạch hung hăng, đông dãi hoang dã, cậy xa trở cách, trái mệnh thiên triều, nhân dân chán nản, có

tựa kẻ thù. Xin ngài cho binh, tôi thu phục được. Ngự nghe tàu rồi, ban khen là phải, truyền hịch các nước, chiêu tập quan quân, định kỳ đi đánh Ba-la-đà-bạt-di. Ba-la-đà-bạt-di nghe được tin ấy, bàng hoàng hoảng hốt, to nghĩ không vui, có quan phu-tướng vào chầu trong nội, mặt hỏi vua rằng : Có gì lo thế ? Xin bảo cho hay. Ba-la-đà-bạt-di nói : Người không biết à ? Lao-đà-dạt trốn đi thờ vua Khoái-mục, hẳn liền tâu nộp, để ngài dận ta, ngài phát cả quân cõi Diêm-phù-đề, sắp đánh nước ta, nếu để đến đánh, chắc nước ta thua

Phu-tướng bạch rằng : Tôi trước nghe tin vua Khoái-Mục thế nguyện bố-thái, chỉ trừ cha mẹ, không dùng thí thối, còn thì ai muốn xin gì cũng thí, trong nước ta có Bramon lừa, khuyến hẳn cố đi, xin mắt Khoái-Mục ; nếu xin được mắt, quân lính phải lui. Ba-la-đà-bạt-di nghe nói, khen rằng : Phải lắm, liền sai Phu-tướng đi tìm người lừa, Phu-tướng tức thì sai người đi gọi. Bramon lừa đến, Phu-tướng bảo rằng : nay nước có việc, thầy nên đề ý cùng giúp nhà vua. Bramon nói : Tôi nay mù lừa, còn làm gì được ? Phu-tướng lại nói : Vua Khoái Mục kia, sắp đưa quân lính đến đánh nước ta, quân ấy mà đến, chúng tôi khỏe mạnh, dẫu chạy trốn được, nhưng còn sợ chết, phương chi thầy lừa thì thoát được chăng ? tôi vốn được tin, vua Khoái Mục đã có thế nguyện : « bố thí hết thầy, không trái ý ai », ai muốn xin gì, ngài cũng cho cả. Cừ sang xin mắt, hẳn là xin được, nếu xin được mắt, quân lính hẳn thôi, việc ấy mà được, sẽ hậu thưởng cho. Bramon nói : Tôi không trông thấy, việc làm sao được ? Ba-la-đà-bạt-di nói : Ta sẽ sai người hộ vệ người đi. Bramon được có người dẫn lộ, đi đến cõi nước Phú-ca-la-bạt, trong nước tự nhiên hiện lắm điềm quái :

- 1) Trong không tự nhiên, có tiếng nổ đùng.
- 2) Sao rơi lòi lữa, sáng rực phương giờ.
- 3) Ngày tối mù mịt, sét dữ vang thiên.

4) Nhiều nơi đất động, rạn lở tứ tung

5) Chim kêu thảm thiết rời rạc thân hình, rĩa chui lòng cánh.

6) Hồ, lang, sư-tử kêu rống trong rừng. Lăn lộn dưới đất.

Tất cả người nước ai cũng cho là 6 điềm quái gở. Bảy giờ Bramon đi vào đền thanh, dong qua cửa điện, nói to lên rằng : Tôi ở nước khác, nghe danh đức vua bố - thí hết thấy, chẳng trái ý ai, nên từ xa lại, muốn xin một chút. Vua nghe nói thế, ra hỏi ngay rằng : N ươi từ xa lại có nhọc mệt không ? Nếu người muốn xin nước đất bán ngọc v. v. tùy ý muốn gì đều cấp cho cả. Bramon nói : Bố thí vật ngoài, phúc đức còn nhỏ, thí vật trong thân, quả báo mới to. Tôi mất mắt lâu, tối như đêm mãi, vì nghe tin ngài, phát tâm đại-thí, muốn xin mắt ngài, mong ngài sinh phúc. Vua nghe mừng lắm, liền giả nhời ngay : Muốn được mắt ta, ta nào có tiếc. Bramon nói : Thật phúc đức lắm, bao giờ ban cho. Vua đáp : đợi 7 ngày nữa, ta khước cho người. Ngài liền hạ chiếu khắp cõi Diêm-phù : « Sau 7 ngày nữa, ta khước mắt cho người Bramon. Vậy nay hạ chiếu, cho các nước chư hầu, xem chiếu vào châu, phu-nhân, thái-tử và cả thần dân cũng vào châu cả, tất cả đại-chúng, reo mình xuống đất, vạch ngực kêu gọi, đều cùng than khóc bạch vua rằng :

« Muốn tâu bệ-hạ, hết thầy chúng sinh, trong cõi Diêm-phù, đợi ơn che phủ, như bề ơn giới, nay khước mắt cho người Bramon, nhân vật toàn cảnh, trông cậy vào đâu ? Xin đủ lòng thương, mà hồi tâm lại, chớ vị một người, mà bỏ hết thầy. »

Giới-Hiền thái-tử, cũng khóc tâu rằng : Xin khước mắt con, thay mắt vua cha, vì con dấu chết, nước chẳng hại chi, vua cha mất mắt, nước trông cậy ai ?

Đức vua Khoái-Mục dụ đại-chúng rằng : Nay phu-nhân, này thái-tử, này các vương hầu và các thần dân.

Ta nhớ tự khi bị thân sinh-tử mãi đến ngày nay :

Tích xương thành đồng, hơn núi Tu-di.

Tụ máu bị giết, nhiều hơn nước bể.

Đeo mình địa-ngục : khổ sở trăm chiều, dám chém đốt
thui, nghìn sinh muôn tử, mắt giữ còn chăng?

Chịu thân ngã quý : khổ đốn nghìn hình, mình phun ra
lửa, lửa lại đốt mình, thân tàn lửa tắt, mắt giữ còn chăng?

Bị thân súc sinh: tử thương lâu nổi, bị ăn thịt lẫn, nhiều
nổi chết oan, xương tan thịt nát, mắt giữ còn chăng?

Làm thân loài người: nhiều phen chết yêu, hoặc mé
sắc dục, hại lẫn, giết nhau, chết không một lối, mắt giữ
còn chăng?

Làm thân người giới: lâu rồi cũng chết, năm đức lia
thân, năm tướng suy hết, mắt giữ còn chăng?

Ta nghĩ ta từ vô - thủy đến nay, đã thụ lắm hình, ở
trong 3 cõi, quanh quần 5 đường, bởi tham, dục, ngã, tan
thây như bụi, chưa bao giờ thí đê cầu đạo Phật, như cái
mắt này là vật ô uế, nó cũng chẳng lâu, rồi sẽ hoại nát, nay
có người xin, sao nỡ chẳng cho. Ta lấy mắt này mà dùng
bổ-thí, đê cầu hết thảy mắt trí vô thượng của Phật Như-lai.
Nguyện của ta thành, sẽ cho các người mắt trí thanh tịnh,
đừng ai gán trở sự thí này nữa. Bấy giờ đại chúng im lặng
như tờ. Ngài bảo tả hữu khoét mắt ngài ra, tả hữu đều
sợ, nói rằng : « Thà băm mình ra vụn như hạt cải, chớ
dám cắt tay chạm mắt đại-vương. » Vua truyền các quan
đi tìm người nào da người đen găm, mắt nhắm xuống
xuôi thì đưa lại đây. Các quan tìm được, đưa lại dâng
vua. Ngài truyền đưa dao, cho vào khoét mắt, khoét xong
một mắt, đê bàn tay ngài. Ngài thệ nguyện rằng : Ta lấy
mắt này dùng đê bổ-thí, cầu thành đạo Phật, nếu ta sẽ được
thành đạo Phật thì người lừa rày được dùng mắt ta mà
trông thấy ngay. Vừa thệ dứt nhời, ngài đưa con mắt vào
trong khuôn mắt người Bramon, người ấy liền trông thấy
cả thân vua và cả chúng hội, vui mừng nhẩy nhót, khôn

xiết nói năng, chấp tay bạch rằng : Con được một mắt, đã dùng trông thấy, xin để một mắt, ngli tự dùng trông. Vua lại đáp rằng : Ta đã nói quyết cho cả hai mắt, không nên trái nhời. Khóet liền mất nữa, lại để bàn tay, lại thệ nguyện rồi lại để vào trong khuôn mặt người Bramon.

Đương lúc bấy giờ, giời đất rung động, các cung điện giời đều lay động cả, người các cõi giời ngạc nhiên sợ hãi, nhìn thấy bồ-tát khóet mắt bồ-tát, đều cùng bay lại tung nhiều hoa hương xuống để cúng, giảng khea rằng : Thiên thay, đức nhân-vương này, làm việc rất lạ. Ngài làm việc ấy, muốn cầu báo gì ? Ngài bạch rằng : Xin lấy công-đức này, không cầu là n ma vương phạm vương gì cả. Chỉ cầu đạo Phật, độ thoát chúng sinh.

Người các cõi giời lại hỏi ; Ngài khóet mắt ra rất là đau đớn, có hối hận không ? Ngài đáp : Tôi thực không hối, cũng chẳng dạn chi. Vua giời lại nói : Tôi xem mặt ngài màu ra sướm rớt, bình thể dật rùn, nói không hết hận. việc ấy khó tin. Ngài thệ ngay rằng : Tôi khóet mắt thì, chẳng hối hận chi, để cầu thành Phật, rồi sẽ thành Phật, đích thực không hư, thì hai mắt tôi bình phục như cũ. Thệ vừa dứt nhời, hai mắt hoàn lại, lại sáng hơn xưa. Tất cả chúng-hội, vui mừng nhảy nhót, khôn xiết nói năng. Đức vua Khoái-mục bảo người Bramon rằng : Người đã mù tịt, nay cho mắt thị, là sáng tạm thời, sau khi thành Phật, sẽ cho mắt tuệ, mới sáng được lâu. Lại đưa người ấy vào trong kho báu, cho lấy thích ý, rồi khiến đưa ra cho về nước nhà. Ba-la-đà-bạt-di thân hành ra đón, liền hỏi ngay rằng : Có được mắt không ? Đáp : Tôi có được mắt, ở mặt tôi đây. Lại hỏi, Đức vua Khoái-mục, nay còn hay nữa ? Đáp : Các giời kéo xuống, ngài Phật thệ nguyện, mắt lại hoàn nguyên, sáng hơn khi trước. Ba-la-đà-bạt-di nghe buồn bực tức uất, vỡ tim mà chết.

Đức Phật lại bảo đức A-nan rằng ; Vua Khoái-Mục ấy tức là ta đây. Ba-la-đà-bạt-di, nay là Đề-bà-đạt-đa phải sa địa-ngục, và Bramon xin mắt ấy tức là người mù đếc đạo

ở hội này đây. Các người phải biết, ta từ đời ấy, cho hẳn mất rồi, cho đến ngày nay, bởi muốn thấy ta, mắt ấy lại sáng, rồi được mắt tuế, và phải nghĩ rằng: Ta vì các người đời đời khổ hạnh, tích đức lũy công, này mới thành Phật, các người phải nên cần cầu giải thoát. Phật nói vừa xong, đi chúng trong hội cảm tạ ơn ngài, sạch lâu phiền não, đều được chứng quả, bái tạ ơn Phật, vui vẻ phụng hành.

NGUYỄN-THƯỢNG-CÂN (Hoàng ma)

Cần thuật

Thu Cô Mai

VI

(PHẬT - HÓA TIỂU - THUYẾT, THỀ VIẾT THU)

(Tiếp theo)

CHỊ BĂNG-TÂM - SAIGÓN

Thư Chị

Song dù thế nào mặc dầu, chúng em thì lại coi làm việc chính - đáng lớn lao lắm đó. Là vì chúng em bao nhiêu người hết lòng hết sức mới gom góp nên được như thế. Vậy thế tất chỗ đó cho, thì chắc Chị không nữ cười.

Như Chị quả có lòng hạ-cổ tới thăm, xin nhớ, đi con đường từ gã Hàng-Cổ Hanoi xuống tới khu hồ Bảy mẫu, cái hồ mà em thường tả đến ở những bức thư trước. Đó là nơi phong-cảnh đặc sắc của xóm Thanh-liên nhà em. Mùa hạ, hồ Bảy-mẫu là một cái bể hương hoa của giống sen đưa những mùi hương thanh-linh để được mát lòng người như em đã kể, thế mà mùa thu này, thì hồ Bảy-mẫu lại đổi thành một cái cảnh rất tao nhã thú-vị của khách thì nhân: dưới bóng trăng trong, trên mặt nước long-lanh gợn sóng, năm ba con thuyền tam - bản, thấp-

thoáng quanh-co, ra vào mấy cái phù-đảo nhỏ trong có những ngôi chùa miếu, những cây cỏ cây be bé, sinh sinh.

7 giờ đó ngắm cảnh-tri hồ Bảy-mẫu rồi, mời Chị rẽ xuống con đường đất mới đắp có thể đi xe tay được, ấy là đường vào xóm Thanh-liên nhà em đó, đi độ nửa cây số thì vào đến xóm. Xóm này là nơi giồng cho những người thợ thuyền lao động, những người luôn bán hàng gánh họ tránh tiền thuê nhà đất ở trên thành phố Hanoi mà xuống đây ở. Cho nên số người ở trọ lại nhiều hơn số người có nhà đất. Tuy thế nhưng là một cái xóm cao ráo, sạch-sẽ, mát-mẻ nhất các cái xóm ngoài cửa ở Hanoi. Số dân-cư độ 150 cả nam-phụ lão-ấu, và độ 20 số gia-trạch. Trong xóm khu-hoạch đường ngã, vườn nhà rất có thú-tự và chỉnh - đốn, đường nào cũng thẳng, vườn nào cũng vuông, đều một loạt, nhà lợp lá cỏ, nhưng nhà nào cũng vách trát với cả trong ngoài, hè xây gạch, bờ rào giồng bằng những thứ cây gỗng tây, bóng bụi, hoặc cây có gai mà đều sắn đến ngang ngực người. Trong vườn giồng hoa, giồng rau, cùng những thứ cây ăn quả để đem lên bán trên thành phố Hanoi.

Một nơi gần đó-thành mà nhà cửa phong-quang, cỏ hoa sinh đẹp, kề sát với cái cảnh-sắc thiên-nhiên, hồ Bảy-mẫu thực cũng là một xóm Đào-nguyên. Người trong xóm chúng em, người ta vẫn tự-hào với nhau rằng: người ở trên thành phố tuy có đài-các nguy-nga, vàng sơn rực rỡ, nhưng suốt ngày đêm tiếng xe bụi ngựa, huyền mạo ôn-ào, thực họ không có hạnh phúc được biết đến cái thú thiên-nhiên bốn mùa, nào khi trăng trong gió mát, nào lúc cỏ hoa máy nước trấp-trùng như cảnh-sắc của chúng ta đây là gì.

Tuy cái công-phu nước mắt bờ hơi cùng cái phần thiên nhiên hậu-dãi mà tổ-diêm nên cái thế-giới sinh đẹp công-con này thực cũng ít thấy, song chỉ hiềm vì người trong xóm Thanh-liên chúng em thuần là dân nghèo, nghề lao-động, người nhớn vốn đã không được hưởng chút học-hành

gi, lại vì phải hết sức phấn đấu với sự làm ăn để mưu-
mang cho trâu cho nhà, nên họ cũng không còn bụng nào
nghĩ đến sự học hành cho con cái. Nhất là phái phụ-nữ
ở đây cũng như ở mọi thôn quê khác, từ bé đến khôn,
từ nhỏ đến già, họ hy-sinh hết cả tinh-thần khí-lực vào
đời quang, cái áo gấu, vào cái cuốc ở ngoài vườn, để
làm trọn bổn-phận với gia-dinh, xã-hội. Thế mà bản-
thân của họ chẳng được hưởng-tại chút học hành gì khiến
cho họ ừ-lý ngu ngốc, có mắt như mù có tai như điếc, trọn
đời không được nghe câu đạo-lý là gì thì có cực không,
gia-dinh xã hội xít với phái phụ-nữ như liếc bạc bèo la
đường nào. Kinh Phật có câu: « Ngựa lừa kéo ngựa,
chưa gọi là khổ, chỉ có kẻ bị dắt nạt mới là khổ. » Vậy
phái phụ-nữ dân quê ở nước ta sợ bị khổ biết bao nhiêu.

Đạo Phật là đạo cứu-khổ, cứu-dở mọi cái khổ cho chúng
sinh về làm hiền cũng như về liề-xác. Vậy muốn thực-hiễn
đạo cứu khổ, còn gì cần cấp hơn là cứu độ ngay cho bà
con phụ nữ ở đây miễn bớt cái khổ đời này đi. Bởi nghĩ
liê mà sau khi bà Tú Hậu đã đưa mấy ba Cai, ba Phó,
mấy cô hàng rau, hàng sắn, và bọn trẻ con trong xóm đến
nhà em nghe giảng nữa. Em cảm vì cái lòng thiện tâm mộ-
dao và hiếu học của người ta mà hết sức cố gắng vận-
động lập nên được một chi Phật-Giao-Hội và mấy việc
kiến-tiết là: Nhà Thanh liên giông-đường, Thanh liên hội
quán Thanh-liên phúc-thiền ban trị-sự sở và Thanh liên
nghĩa-thực. Mấy tòa nhà ấy đều ở vào một khu đất đầu
xóm bên hồ này, em xin đưa Chị đến.

Kia Chị nom, cái chỗ trước trại trông ra hồ Bầy-mẫu
kia, một khu đất cao ráo trong cái rẫy hàng rào găng
lấy ngang ngực người mà xén xuống sẽ-cành như bức
trường sơn màu lá xanh ấy, nào những tòa nhà vuông
vẫn vách với mái phên nửa, nào những áng cỏ-thụ tím
bum xanh biếc như mực, nào những bông hoa sắc-sỡ
và những cây trúc-dao, tử-vi, thiên-bì-nhữ và phù-
dung v. v. đập đờn với gió. Ấy là nơi Cực-lạc trên cõi-

tinh-thần của cái phái bình-dân nghèo khổ làng Thanh-lên chúng em này đó. Tức là nơi lân cận-trực của Phật-hội xóm em mà em mời chị vào vắng cảnh trong ấy đó.

Bạn gái của Chị :

MAI

(Đ. N. T.)

(còn nữa)

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-VỀU

佛學辭典輯要

Bát-chi 鉢支. - Cũng viết là - 枝, - 岐, - 揩, cái kỹ kê bát của Tỳ-khâu. Vì bát đựng cơm của Tỳ-khâu dễ hay đổ, nên Phật cho chế cái kỹ.

Bát-cha - 吒 (Patta). - Một bức lụa hay là vải to như cái trăn quàng mình, oióng cá-xa mà chỉ có một khổ hoặc quàng làm quần.

Bát-vị - 位 -- Nơi ngồi ở trai-đường của đại-chúng gọi là bát-vị.

Bát-lý-tát-ra-phát-na - 里薩羅伐拏 (Parivraṇa) - Một vật trong sáu vật dụng của Tỳ-khâu bằng lụa vải dùng để lọc nước tức là cái khăn lọc.

Bát-đà - 陀 (Pada). - Cũng dịch là **Bá-đà** 播-, **ba-đà** 波-, nghĩa là lối chân, cầu vồng. Cầu vồng là cái lối của lời nói như cái lối chân của cái chân.

Bát-hòa-la - 和羅 (Pavarana). - Cũng dịch là **Bát-hòa-là** 盃-, **bát-hòa-lan** - - 蘭. Tên ngày 15 tháng 7, nghĩa là ngày tự tử 自恣. Ngày ấy dâng cơm cúng Tam bảo. Tức là một ngày sau kỳ an-cư của đại-chúng.

Bát-thích-bà-thích-nữ - 刺婁 - 拏 (Pravara, - Tùy

ý được tự-dó, là ngày cuối kỳ an-cư của chúng được tự ý xét trong ba điều trông thấy, nghe thấy mà còn ngờ rằng trong kỳ an-cư mình có sự gì phạm tội thì cứ đem mà xám-nối.

Bát thích-ế ca-Phật-dà -- 鬘迦佛陀 (Pratyekabuddha) -- Có hai nghĩa : 1. là ưa tinh, lánh xa thầy bạn mà tu tự chứng một mình cho ra khỏi hẳn cõi thế-gian mãi mãi. 2. Duyên-giác, là đời có duyên khác mà chứng được thánh-quả.

Bát-nang - 鬘. -- Cái túi đựng bát của Tỉ-khâu đeo lên vai đi hành khất.

BẠT

Bạt-dà-lê 鬘陀梨. -- Một thứ quả ở Tây-trúc như quả táo nhỏ.

Bạt-dà-kiếp 鬘陀劫 (Bhadrakalpa). -- Một cái thời gian lượng biết các thế-giới từ thành đến hoại khác nhau bao nhiêu, tức là một thành kiếp. gọi tắt là kiếp, nghĩa là « thiện » 善 là « hiền » 賢 Vì hai kiếp quá-khứ, vị lai đều không có Phật mà kiếp này lại có hàng nghìn Phật ra đời, nên gọi là hiền-kiếp (đời nhân-hiền).

Bạt 鬘. Một thứ nhạc-thị của rợ Tây-nhung, Nam-man, hình tròn bằng đồng, như cái mâm, nhà chùa dùng làm đồ pháp bảo.

BẢN

Bản-nữ bảo-tàng 貧女寶藏. -- Lời nói vi Phật-tín ở trong hết thầy kẻ phàm phu như cái bảo-tàng có sẵn ở trong nhà người con gái nghèo mà không biết lấy ra tiêu dùng. Một ngày kia có người khách lạ mách cho mới biết.

Bản-đạo - 道. -- Dịch tiếng Sa-môn-na 沙門那 (Sa-môn là bản-phap, na là đạo) ra. Nghĩa là lấy đạo đoan-tuyệt sự bản-phap. Lại nghĩa nói khiêm « Tôi là kẻ bản-phap về đạo ».

Bần-cùng hải 貧窮海. — Cái khổ bần-cùng rộng sâu như bể. Sách Tri-dộ phần 22 có câu kệ « Thi vi kiến lao thuyền, 施爲堅牢船 Năng độ bần cùng hải. 能度貧窮海. Pháp bố-thi là thuyền bền vững, đưa chúng sinh khỏi bể bần-cùng ».

Bần-cùng phúc-diên - 窮福田. — Có kẻ bần-cùng đến xin thì giúp đỡ cho, tuy không mong báo mà tự nhiên hoạch-phúc, nên gọi là « Bần cùng phúc điền ».

BẤT

Bất-nhị 不二. — Cái lẽ chân thực chỉ có một, như như bình-dẳng và không phân biệt nọ kia gì gọi là bất-nhị. Bồ-tát giác-ngộ được cái lẽ chân thực ấy gọi là vào cửa pháp-môn bất-nhị.

Mé-noộ bất nhị 迷悟不二 — Mé với ngộ, tương tuy khác mà thực tính thì chỉ có một cũng như nước tuy có trong đục mà tính nước thì là một.

BÍCH

Bích-nhơn-Hồ 碧眼胡. — Người rợ Hồ mắt xanh, tức là Tỳ Đạt-ma. Người Tàu gọi các nước ở mé tây-bắc là rợ Hồ, nên thấy các lãng ở Tây-vực ở Ấn-độ vào truyền đạo Phật đều gọi là Hồ-tăng.

Tỳ Đạt-ma người Ấn-độ về giống da trắng nên đồng-tử xanh, người Tàu bèn gọi là bích-nhơn-hồ, hay là bích-nhơn-hồ-tăng.

Bích-định 壁定. — Sự tri giác tà-ác vi như gió, sự định vi như vách, vậy bích định tức là cái vách chử định để ngăn cản những luồng gió tà-ác. Vách chử định kiên cố thì gió tà-ác không vào được.

Bích-quán 壁觀. — Tỳ Đạt-ma trụ ở chùa Thiểu-lâm-núi Truy-sơn, ngồi trông vào vách để quán-niệm chổn năm kiết, quay mặt ra, nên pháp ấy là bích-quán, và gọi là Bích-quán Bà-la-môn.

(Còn nữa)

GIẢNG ĐƯỜNG NGHĨA - HƯNG

Hôm mồng bốn tháng chín vừa rồi, làng Nghĩa-hưng ở phủ Quốc-Oai thuộc về chi Sơn-Tây được trên Trung-Ương cho phép, mở giảng-dường tại chùa làng ấy. Cụ Lớn Chánh-Hội-Trưởng cử ông Phó-băng Bùi-Kỷ về khai giảng lần đầu, Cụ Lớn Hiệp-tá Hữu-băng đại-lý chi Sơn-Tây làm chủ tọa, Cụ Bộc đạo-sư ở ban Trung-Ương, ông Cung-dinh-Bính, Quản-Lý báo Đuốc-Tuệ về dự lễ, Đến chứng kiến có Quan Chánh-Sứ Sơn-Tây, Quan Ân Lê-dinh-Lục, Quan Phủ, Quan Huấn phủ Quốc, đứng chủ trương giảng đường này là ông Tổng-sư Trạch, vốn gốc lòng tán thành. Lúc khai giảng, hết thảy các thiện tín im lặng ngồi nghe, coi ra có vẻ cảm động lắm. Vùng này tuy lúc bắt đầu, hội-viên chưa được đông, nhưng nhân tâm đã cố vũ quay đầu về đạo Phật, công việc mở mang về sau, chắc có phần kết quả hay vậy.

CHƯ TẶNG TOÀN HẠT HẢI - PHÒNG

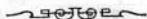
CÚNG TIỀN NHÀ IN ĐUỐC-TUỆ

Cụ Chánh-đại biểu cụ-trì chùa Vê	1\$50
Cụ Quản-Lý cụ-trì chùa Hàng-Kênh	5.00
Sư ông đang-gia chùa Dur-Hàng	5.00
Sư ông Cụ-trì chùa Sùng-Minh	1.00
Sư ông cụ-trì chùa Thượng-Lý	1.00
Sư ông cụ-trì chùa Cẩm-Xã	1.00
Sư ông Thanh-Thái	0.50

CÚNG TIỀN GIÚP DÂN BỊ LỤT

Các giáo-hữu ở chi-hội tỉnh Vĩnh-An	5\$00
Sư Cụ Xuân-Đạt đem tiền xuống cúng	

CÙNG ANH EM PHU TRẠM



Đạo này Phái-viên của bản-báo có dịp về các nơi thôn quê, tiếp được nhiều độc-giả Đuốc-Tuệ phàn nàn rằng báo Đuốc-Tuệ gửi đến rất thất-thố không đều và không đủ số. Có khi mất một hai số, có khi để một vài số mới gửi dồn đến một lúc. Lại có nơi người phu-trạm đưa báo đến nhà độc-giả rồi đòi có cho tiền mới đưa báo. Cái ác-tập ấy không những làm tổn-hại cho bản-báo mà thực t nguy cho công-cuộc truyền-dạt thư-lin, sách báo của Xã-hội của Burs-chính. E có một ngày làm liên-lụy cho người đốc-xuất mình, anh em trong phái phu-trạm thôn quê, ai có tá tâm không chịu làm việc hết bổn-phận nên nghĩ kỹ.

Phương chi báo Đuốc-Tuệ là tờ báo truyền-bá về đạo Phật, người ta xuất công xuất của viết kinh Phật, in kinh Phật tổng-phát cho nhiều người đọc. Để cầu công đức ở chỗ cao xa còn về thay. Anh em trông thấy tờ báo Đuốc-Tuệ cũng nên nhận rằng nếu mình đưa đến nơi đến chốn cho độc-giả, ngoài cái chức-vụ đầy đủ ra, mình cũng có chút công đức như truyền-tống kinh Phật. Vậy khuyên trong phái phu-trạm thôn quê, ai ai nên hết lòng làm việc nghĩa-vụ mà cầu phúc.

ĐUỐC - TUỆ

HỘP THƠ

Trả lời ông Trần-khắc-Minh, Mộ-cày, Bến-tre.
Chiếc Mandat 1\$00 N° 021, bản-báo đã nhận được.
Xin cảm ơn ông.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý CUNG-ĐÌNH-BÍNH